

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ JACARANDA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ JACARANDA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: JACARANDA INVESTMENT AND TRADING SERVICES JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: JACARANDA JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110156539

3. Ngày thành lập: 21/10/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 7, ngõ 68 phố Trung Kính, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0365444989

Fax:

Email:

Website: info@jacarandavalley.com

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Loại trừ: Hoạt động đấu giá hàng hóa	4610
2.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
3.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
4.	Bán buôn thực phẩm	4632
5.	Bán buôn đồ uống	4633
6.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
7.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
8.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
9.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
10.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
11.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
12.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
13.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
14.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
15.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
16.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
17.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa công ty kinh doanh	8299
18.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
19.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552

20.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Loại trừ: Hoạt động của các tổ chức Đảng, đoàn thể; Hoạt động giáo dục tôn giáo	8559
21.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
22.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Chi tiết: -Hoạt động phòng khám đa khoa;- Hoạt động phòng khám đa khoa (Điều 43 Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2009, Khoản 7, Khoản 8 Điều 11 Nghị định 155/2018/NĐ-CP)	8620
23.	Hoạt động của các cơ sở thể thao Chi tiết: Dịch vụ bể bơi, hoạt động dưới nước	9311
24.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao Chi tiết: Hoạt động của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp (Nghị định 36/2019/NĐ-CP)	9312
25.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
26.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
27.	Lập trình máy vi tính	6201
28.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
29.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
30.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
31.	Cổng thông tin (Loại trừ hoạt động báo chí – Luật Báo chí năm 2016)	6312
32.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Loại trừ: Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	6399
33.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (Loại trừ: tư vấn pháp luật, thuế, tài chính, chứng khoán)	6619
34.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Điều 10, Điều 11 Luật kinh doanh bất động sản năm 2014)	6810
35.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Môi giới bất động sản;- Quản lý bất động sản;- Tư vấn bất động sản;- Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; (Điều 62, Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014)	6820
36.	Quảng cáo	7310
37.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
38.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
39.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100

40.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn; Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;	5510(Chính)
41.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
42.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
43.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: -Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể; - Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống; - Cung cấp suất ăn theo hợp đồng; - Hoạt động nhượng quyền cung cấp đồ ăn uống tại các cuộc thi đấu thể thao và các sự kiện tương tự; - Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ trên cơ sở nhượng quyền. - Hoạt động cung cấp suất ăn công nghiệp cho các nhà máy, xí nghiệp.	5629
44.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
45.	Đại lý du lịch	7911
46.	Điều hành tua du lịch	7912
47.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
48.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 500.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN TIẾN DŨNG	Số nhà 045, tổ 6B, Thị Trấn Phố Ràng, Huyện Bảo Yên, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	10,000	0100890035 74	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	50.000	500.000.000	10,000		
2	NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG	Tập thể Công ty SXKD của NTTHN, ngõ 86 phố Duy Tân, tổ 17, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	20,000	0311800006 47	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	20,000		

3	NGUYỄN THỊ THU THỦY	Thôn Thụ Lâu, Xã Nguyên Lý, Huyện Lý Nhân, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	30,000	168613602
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	30,000	
4	TRỊNH THỊ HƯƠNG	Số 3, ngõ 1182, tổ 1, đường Quang Trung, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	10,000	017182000593
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	50.000	500.000.000	10,000	
5	NGUYỄN THỊ THANH TRÀ	Số 14 Lô 2 ngõ 217 La Thành, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	30,000	031185020056
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	30,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN TIẾN DŨNG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 08/05/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 010089003574

Ngày cấp: 11/08/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: *Số nhà 045, tổ 6B, Thị trấn Phố Ràng, Huyện Bảo Yên, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số nhà 045, tổ 6B, Thị trấn Phố Ràng, Huyện Bảo Yên, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội